

Biểu mẫu 05

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TỐ
THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
Năm học 2015-2016

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định của Phòng GD & ĐT. Điểm chuẩn vào lớp 6: 10 điểm.	Theo quy định của Phòng GD&ĐT. Điểm chuẩn vào lớp 6: 10 điểm.	Theo quy định của Phòng GD & ĐT. Điểm chuẩn vào lớp 6: 10 điểm.	Theo quy định của Phòng GD&ĐT. Điểm chuẩn vào lớp 6: 10 điểm.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Theo chương trình hiện hành của Bộ GD&ĐT.	Theo chương trình hiện hành của Bộ GD&ĐT.	Theo chương trình hiện hành của Bộ GD&ĐT.	Theo chương trình hiện hành của Bộ GD&ĐT.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học)	Có đủ phòng học, phòng bộ môn, các trang thiết bị học tập tối thiểu cho nhu cầu học tập. - Tham mưu UBND Q.10 sơn mới khối phòng học	Có đủ phòng học, phòng bộ môn, các trang thiết bị học tập tối thiểu cho nhu cầu học tập - Tham mưu UBND Q.10 sơn mới khối phòng học	Có đủ phòng học, phòng bộ môn, các trang thiết bị học tập tối thiểu cho nhu cầu học tập - Tham mưu UBND Q.10 sơn mới khối phòng học	Có đủ phòng học, phòng bộ môn, các trang thiết bị học tập tối thiểu cho nhu cầu học tập - Tham mưu UBND Q.10 sơn mới khối phòng học

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hoạt động giáo dục NGLL, hướng nghiệp dạy nghề, văn thể mỹ, các câu lạc bộ học tập. - Tổ chức các lớp tiếng anh nghe nói với giáo viên bản ngữ.	- Hoạt động giáo dục NGLL, hướng nghiệp dạy nghề, văn thể mỹ, các câu lạc bộ học tập. - Tổ chức các lớp tiếng anh nghe nói với giáo viên bản ngữ.	- Hoạt động giáo dục NGLL, hướng nghiệp dạy nghề, văn thể mỹ, các câu lạc bộ học tập. - Tổ chức các lớp tiếng anh nghe nói với giáo viên bản ngữ.	- Hoạt động giáo dục NGLL, hướng nghiệp dạy nghề, văn thể mỹ, các câu lạc bộ học tập. - Tổ chức các lớp tiếng anh nghe nói với giáo viên bản ngữ.
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	Đội ngũ giáo viên có trình độ ,phương pháp, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh theo hướng tích cực. -Phương pháp quản lý của nhà trường thực hiện theo hướng đổi mới – tập trung vào nâng cao chất lượng dạy & học.	Đội ngũ giáo viên có trình độ , phương pháp, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh theo hướng tích cực -Phương pháp quản lý của nhà trường thực hiện theo hướng đổi mới – tập trung vào nâng cao chất lượng	Đội ngũ giáo viên có trình độ ,phương pháp,đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh theo hướng tích cực. -Phương pháp quản lý của nhà trường thực hiện theo hướng đổi mới – tập trung vào nâng cao chất lượng dạy & học.	Đội ngũ giáo viên có trình độ ,phương pháp,đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh theo hướng tích cực. -Phương pháp quản lý của nhà trường thực hiện theo hướng đổi mới – tập trung vào nâng cao chất lượng dạy & học.
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	100% đạt từ TB trở lên về học tập ,không có học sinh yếu về đạo đức,sức khỏe BT	100% đạt từ TB trở lên về học tập ,không có học sinh yếu về đạo đức,sức khỏe BT	100%đạt từ TB trở lên về học tập ,không có học sinh yếu về đạo đức,sức khỏe BT	100% đạt từ TB trở lên về học tập ,không có học sinh yếu về đạo đức,sức khỏe BT

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Lên lớp 100%	Lên lớp 100%	Lên lớp 100%	Chuyển tiếp cấp 3: 100%

Quận 10, ngày 05 tháng 8 năm 2015
Hiệu trưởng

Nguyễn Thành Phát

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TỐ
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2014 - 2015

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	750	158	239	188	165
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	731 97,47%	158 100%	228 95,4%	188 100%	157 95,15%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	13 1,73%		2 0,27%		11 1,47%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	750	158	239	188	165
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	667 88,93%	158 100%	203 84,94%	169 89,89%	137 83,03%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	73 9,73%		26 10,88%	17 9,04%	30 18,18%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,4%		1 0,42%	1 0,53%	1 0,61%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	750	158	239	188	165
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	667 88,93%	158 100%	203 84,94%	169 89,89%	137 83,03%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	73 9,73%		26 10,88%	17 9,04%	30 18,18%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	80	0	0	0	80
1	Cấp tỉnh/thành phố	30	0	0	0	30
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	148				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	148				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	122 48,4				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	24 16,2				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2 1,35				
VII	Số học sinh thi đỗ vào lớp 10 công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ vào lớp 10 ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	322/428	70/88	111/128	59/129	82/83
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	116	40	32	25	19

Quận 10, ngày 26 tháng 7 năm 2015
Hiệu trưởng

Nguyễn Thành Phát

Biểu mẫu 10
(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TỐ
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2015 - 2016**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	23	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	23	1,2
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	06	1,2
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/phòng	1,2
8	Bình quân học sinh/lớp	32	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3100 m ²	4,9
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1510 m ²	2,4
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	36 m ²	1,2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	36 m ²	1,2
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	72 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	36 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	750	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	158	
2	Khối lớp 7...	239	
3	Khối lớp 8	188	
4	Khối lớp 9	165	-
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	92 bộ	8 hs/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	85 bộ	04 thiết bị/lớp
-----------	--------------------------------------	-------	-----------------

1	Ti vi	27	
2	Cát xét	12	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
5	Dàn âm thanh Mixer	1	
6	Máy vi tính cố định	19	
7	Máy vi tính xách tay mini	20	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	72 m²
XI	Nhà ăn	100 m²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	216 m ²	600 m ²	0.36 m ²
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	06	36	18/18	96 m ²	48m ² /48m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 10, ngày 26 tháng 7 năm 2015

Hiệu trưởng

Nguyễn Thành Phát

Biểu mẫu 11
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TỐ
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2015 - 2016**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	67	51	16	1	1	41	10	3	11	
I	Giáo viên	45	45								
	<i>Trong đó số giáo viên dạy môn:</i>										
1	Toán	6	Biên chế				5	1			
2	Lý	2	Biên chế				1	1			
3	Hóa	3	Biên chế				2	1			
4	Văn	6	Biên chế				6				
5	Tiếng Anh	8	Biên chế			1	7				
6	Sinh	2	Biên chế				2				
7	Sử	2	Biên chế				2				
8	Địa	2	Biên chế				2				
9	Công nghệ	3	Biên chế				1	2			
10	Công dân	2	Biên chế				1	1			
11	Nhạc	1	Biên chế				1				
12	Họa	1	Biên chế				1				
13	Thể dục	3	Biên chế				2	1			
14	Tin học	3	Biên chế								
15	Phụ trách PTN Lý	1									
II	Cán bộ quản lý	3									
1	Hiệu trưởng	1			1						
2	Phó hiệu trưởng	2					2				
III	Nhân viên	19									
1	Nhân viên văn thư	1		Hợp đồng 68					1		
2	Nhân viên kế toán	1	Biên chế						1		
3	Thủ quỹ	1		Hợp đồng			1				
4	Nhân viên y tế	1	Biên chế								
5	Nhân viên thư viện	1	Biên chế				1				
6	Nhân viên khác	1		Hợp đồng			1				
7	Bảo vệ	3		Hợp đồng 68					3		
8	Phục vụ	4		Hợp đồng 68					4		
9	Tư vấn học đường	3		Hợp đồng		1	1		1		
10	Thiết bị	1		Hợp đồng					1		
11	CSVC	1		Hợp đồng 68					1		
12	TPT	1		Hợp đồng 68					1		

Quận 10, ngày 26 tháng 7 năm 2015
Hiệu trưởng

Nguyễn Thành Phát

